

Số: 1094/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1083/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:
Những người yêu cầu:

1. Chị Phạm Huyền T, sinh năm 1988, CCCD: 0201***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/04/2023

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: P L, phường H, thành phố H.

2. Anh Nguyễn Xuân Bình, sinh năm 1981, CCCD số 0380***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2021

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: P L, phường H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân B và chị Phạm Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H, thành phố H (nay là UBND phường H, thành phố H) ngày 10/6/2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số **/20**, quyển số 01/20**). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hải N, Nguyễn Tiến N.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân B và chị Phạm Huyền T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 23/07/2016 và cháu Nguyễn Tiến N, sinh ngày 20/12/2018. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để anh Nguyễn Xuân B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải N, chị Phạm Huyền T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến N kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Xuân B và chị Phạm Huyền T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh B, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Phạm Huyền T tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số BLTU/26E 000**** ngày 22/7/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VSKND khu vực 3 - Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Đồng Trung